TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 29/04/2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Mai Văn Chất
2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2024/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm F, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Trần Văn H sau khoảng ba tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại UBND xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và anh chị không có con chung, đồng thời anh chị sống ly thân ba

năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn H hiện đang cư trú tại nhà bố đẻ anh H là ông Trần Mạnh Đ tại xóm F, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Văn H thông qua ông Trần Mạnh Đ là bố đẻ của anh H nhận thay và cam kết có trách nhiệm giao ngay tận tay cho anh H. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị S khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Trần Văn H.
- Án phí: Chị Nguyễn Thị S nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Trần Văn H có nơi cư trú tại: Xóm F, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại UBND xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 2 tháng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống và không có con chung. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau gần ba năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh H không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Â thể hiện: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn H có tự nguyên đăng ký kết hôn với nhau tháng 2 năm 2020 tại UBND xã Â. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng ông Trần Mạnh Đ là bố đẻ của anh H, quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Qua nắm bắt tại cơ sở thì giữa chị S và anh H quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng quan điểm, chênh lệch nhau về tuổi tác, mặt khác vợ chồng không có con chung, sau đó chị S về nhà bố mẹ đẻ chị S để sinh sống làm ăn, năm 2023 anh H vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù nhưng chị S cũng không về lại gia đình anh H chung sống nữa. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị có đời sống hôn nhân trong khoảng thời gian rất ngắn và không có con chung, xong đã có thời gian sống ly thân nhau ba năm nay cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị S và anh H không có con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn H (Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn H không có tài sản chung và công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001921 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Â, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh